

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2021/DS-ST

Ngày: 26-10-2021

“V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hoàng Nam

Ông Trịnh Hoàng Giang

- Th- ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên - Là Th- ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:

Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và ngày 26 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 307/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2021/QĐXXST- DS ngày 21 tháng 9 năm 2021. Giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Hộ kinh doanh L1 L2

-Người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Tấn L1, sinh năm 1965 (Có mặt).

-Bị đơn: Ông Trần Quốc Ng, sinh năm 1975 (Có mặt)

Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1975 (Có mặt)

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị Mỹ L2, sinh năm 1969 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Hòa B, xã Hòa L3, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, người đại diện cho nguyên đơn - Ông Đỗ Tấn L1 trình bày:

Vào vụ lúa Hè thu năm 2019, ngày 07/02/2019 âm lịch (Viết tắt là ÂL) vợ

chồng ông Trần Quốc Ng và bà Nguyễn Thị C có đến cửa hàng của ông mua vật tư nông nghiệp số tiền 10.654.000 đồng. Sau khi thu hoạch lúa, vợ chồng ông Ng không thanh toán với lý do chưa có tiền do thất mùa. Cửa hàng ông tiếp tục bán vật tư nông nghiệp cho vợ chồng ông Ng thêm 03 vụ lúa tiếp theo là Vụ 3 năm 2019, vụ Đông xuân năm 2020 và vụ Hè thu năm 2020, đối với số tiền mua vật tư các vụ này thì vợ chồng ông Ng đã thanh toán đầy đủ, số tiền vợ chồng ông Ng còn thiếu trong vụ Hè thu năm 2019 được ghi vào sổ theo dõi của cửa hàng. Ông Đỗ Tấn L1 yêu cầu vợ chồng ông Ng - bà C trả số tiền 10.654.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 15/6/2019 (Âl) cho đến ngày xét xử theo mức lãi suất quy định của pháp luật.

Bị đơn - ông Trần Quốc Ng, bà Nguyễn Thị C trình bày:

Ông Ng và bà C thừa nhận vào ngày 07/02/2019 âm lịch (Âl), vụ Hè thu 2019 có mua vật tư nông nghiệp tại cửa hàng ông L1 L2, với số tiền 10.654.000 đồng. Khi đến cuối vụ, ông bà đến cửa hàng trực tiếp trả cho bà L2 số tiền 8.854.000 đồng, còn nợ lại 1.800.000 đồng. Sau đó, tiếp tục mua phân thuốc bảo vệ thực vật Vụ 3 năm 2019, vụ Đông xuân năm 2020, vụ Hè Thu 2020, các vụ này đã trả đủ tiền và trả luôn tiền nợ còn lại của vụ Hè thu năm 2019 là 1.800.000 đồng. Do bà L2 không gạch sổ theo dõi tại cửa hàng nên cho rằng ông bà còn thiếu tiền vụ Hè thu năm 2019 số tiền 10.654.000 đồng, ông bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L1 – bà L2.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Bà Võ Thị Mỹ L2 trình bày:

Bà L2 thống nhất theo lời trình bày của ông L1, bà L2 là người trực tiếp giao dịch mua bán và ghi sổ với ông Ng - bà C, bà L2 xác định Vụ Hè thu năm 2019 bà C không có đến cửa hàng trả tiền mà thực tế bà có đến nhà lấy 02 lần với tổng số tiền 10.000.000 đồng. Bà L2 xác định có ghi nội dung kết toán nợ vụ Hè thu 2019 và Vụ 3 năm 2019 vào sổ theo dõi tại cửa hàng được đánh số 50 nhưng ông Ng - bà C không trả tiền 10.000.000 đồng trong vụ này mà được trả 04 lần cộng chung là 28.000.000 đồng trong các vụ sau, bà không xác định được thời gian của các lần trả. Theo thỏa thuận thì sau khi bán vật tư nông nghiệp đến 04 tháng thì phải trả tiền, nếu sau 04 tháng không trả thì sẽ tính lãi nên ông bà yêu cầu tính lãi của số tiền chậm trả từ ngày 15/6/2019 (Âl) cho đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đương sự trong vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, thời hạn đưa ra xét xử còn vi phạm cần rút kinh nghiệm. Về quan điểm giải quyết vụ án, qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng xét thấy nguyên đơn cho rằng căn cứ vào sổ theo dõi lưu tại

cửa hàng và sổ phụ giao cho bị đơn để xác định ông Ng - bà C còn nợ số tiền mua vật tư nông nghiệp vụ Hè thu năm 2019 là 10.654.000 đồng. Ngoài ra không có văn bản kết toán nợ hay chứng cứ gì khác, theo sổ phụ phía bị đơn cung cấp cũng không thể hiện nội dung còn nợ số tiền 10.450.000 đồng của vụ lúa Hè thu năm 2019. Các vụ lúa tiếp theo thể hiện thanh toán phần nợ được cộng dồn từ vụ 3 năm 2019 đến vụ Hè thu năm 2020. Bà L2 thừa nhận có nhận ông Ng - bà C có trả tiền 02 lần là 10.000.000 đồng nhưng cho rằng không phải nhận tiền trả của vụ Hè thu năm 2019, bị đơn phản đối ý kiến của bà L2. Theo chứng cứ bà L2 cung cấp có cơ sở xác định bà L2 có nhận trả 10.000.000 đồng trong năm 2019, ngoài ra không có chứng cứ gì chứng minh việc ông Ng - bà C nợ số tiền 10.654.000 đồng. Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị chấp nhận. Căn cứ Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của cửa hàng vật tư nông nghiệp L1 L2, buộc ông Ng - bà C trả số tiền mua vật tư nông nghiệp gốc còn thiếu lại là 654.000 đồng và tiền lãi từ ngày 15/6/2019 (Âl) cho đến ngày xét xử. Về án phí, các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hộ kinh doanh L1 L2 khởi kiện yêu cầu ông Trần Quốc Ng, bà Nguyễn Thị C phải trả trả mua vật tư nông nghiệp còn thiếu đây là tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hợp đồng dân sự mua bán tài sản:

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự cùng xác định vào ngày 07/02/2019 âm lịch (Âl) tức là vụ Hè thu 2019, ông Trần Quốc Ng - bà Nguyễn Thị C có mua vật tư nông nghiệp tại cửa hàng ông L1 L2. Hai bên cùng xác định số tiền mua vật tư nông nghiệp vụ Hè Thu năm 2019 là 10.654.000 đồng. Các đương sự đều thừa nhận sự việc tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng mua bán tài sản. Theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự những tình tiết, sự kiện đã được “*một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận chuyên môn của bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Như vậy có cơ sở xác định việc ông Ng - bà

C có giao kết hợp đồng mua bán với Hộ kinh doanh cá thể L1 L2 vào vụ lúa Hè thu năm 2019 với số tiền mua vật tư là 10.654.000 đồng là sự thật.

Các bên tham gia giao dịch có đầy đủ năng L1 pháp luật hành vi dân sự, tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức giao dịch được thể hiện bằng lời nói, đối tượng của hợp đồng phù hợp quy định của pháp luật. Do đó hợp đồng mua bán được xác lập hợp pháp theo quy định tại Điều 117 và Điều 119 và Điều 430 của Bộ luật Dân sự.

Quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên đã giao nhận đủ số vật tư nông nghiệp thỏa thuận sau 04 tháng là ngày đến hạn thanh toán. Hai bên không lập hợp đồng mua bán cụ thể, chỉ thỏa thuận bằng lời nói, sau đó ghi vào sổ cái lưu giữ tại cửa hàng ông L1 và sao sổ phụ giao cho bên mua, khi nào thanh toán tiền xong thì sẽ tiến hành gạc sổ.

Ông L1 - bà L2 cho rằng ông Ng - bà C chưa thanh toán số tiền mua vật tư cho ông bà, căn cứ vào sổ cái ghi nợ được lưu giữ tại cửa hàng. Ngược lại ông Ng - bà C cho rằng ông bà đã thanh toán đủ tiền mua vật tư cho ông L1. Cụ thể, ông bà có trả dần 02 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng do bà L2 trực tiếp đến nhà lấy. Đến tháng 10/2019 (âm lịch) ông bà có đến cửa hàng gặp bà L2 trả luôn số tiền mua vật tư của vụ 2 và vụ 3 năm 2019 còn lại là 17.174.000 đồng. Sau khi trả tiền thì ông bà xác định bà L2 có gạc sổ phụ giao ông bà, ngoài ra không làm giấy tờ gì khác. Trong phần sổ phụ bà L2 giao cho ông bà, sổ màu vàng số 66 có ghi câu: “*Trả đủ phần này*” nên ông bà xác định đã trả đủ tiền, không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L1 và bà L2.

Ông L1 và bà L2 phải có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà các bên đã giao nộp, tại tờ ghi nợ của cửa hàng vật tư nông nghiệp L1 L2, ghi số 50 tương ứng với sổ phụ ghi nợ màu vàng giao cho ông Ng - bà C ghi số 50, vụ 3 năm 2019. Tại sổ ghi nợ, bà L2 thể hiện số tiền mua vật tư thiếu của Vụ 3 năm 2019 là 16.520, bà L2 cho rằng thông lệ hay viết tắt lượt bớt các số không, tương ứng số tiền 16.520.000 đồng, phần cuối sổ ghi có đoạn kết toán: “ *Cộng*

<i>Hè thu 2019</i>	<i>10.654</i>
<i>Vụ 3 2019</i>	<i><u>16.520</u></i>
	<i>27.174</i>
<i>Trả 2 lần</i>	<i><u>10.000</u></i>
<i>Nợ</i>	<i>17.174</i>

Như vậy có cơ sở xác định bà L2 đã kết toán nợ của Vụ Hè thu năm 2019 và Vụ 3 năm 2019, thể hiện ông Ng - bà C đã thanh toán 10.000.000 đồng trong năm 2019, ông Ng và bà C chỉ còn nợ lại số tiền 17.174.000 đồng.

Tuy nhiên đến vụ Đông Xuân năm 2020 (tức là vụ tiếp theo) trên sổ phụ của ông Ng - bà C do bà L2 trực tiếp ghi thì lại thể hiện nội dung tính tiền như sau:

V3 2019	16.520.000
DX 2019-20	<u>10.716.000</u>
	27.236.000
Huội	<u>8.500.000</u>
Cộng	35.736.000
Trả	28.000.000
Nợ:	7.736.000
Lãi 5T	1.160.000
	8.8960

Do đó phần nợ Vụ 3 năm 2019 đã được bà L2 tính thêm 01 lần nữa và được thanh toán chung trong vụ Đông xuân 2019-2020. Như các bên đương sự cùng thừa nhận phần nợ các vụ này đều thanh toán xong và không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Theo kết quả tranh tụng và đối chất, các đương sự thống nhất việc ông Ng và bà C có trả số tiền 02 lần là 10.000.000 đồng, thể hiện thời gian trả nợ do bà L2 ghi vào sổ cuối năm 2019. Ngoài ra không có chứng cứ gì chứng minh việc ông Ng - bà C còn nợ số tiền 10.654.000 đồng.

Từ những phân tích trên có cơ sở xác định vụ Hè Thu năm 2019, ông Ng và bà C đã thanh toán được số tiền là 10.000.000 đồng, nợ lại số tiền là 654.000 đồng. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 440 của Bộ luật Dân sự Hội đồng xét xử buộc ông Ng và bà C phải thanh toán số tiền mua vật tư nông nghiệp cho cửa hàng vật tư nông nghiệp L1 L2 số tiền còn thiếu là 654.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của Cửa hàng vật tư nông nghiệp L1 L2:

Cửa hàng vật tư nông nghiệp L1 L2 yêu cầu tính lãi suất từ ngày 15/6/2019 (Âl) tức là ngày 17/7/2019 dương lịch cho đến khi kết ngày xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy ông Ng và bà C đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền do đó căn cứ khoản 3 Điều 440 của Bộ luật Dân sự chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi của Cửa hàng kinh doanh L1 L2 như sau: 654.000 đồng x 10%/01 năm x 02 năm 03 tháng 09 ngày = 152.000 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi ông Ng và bà C phải trả cho hộ kinh doanh L1 L2 là 806.000 đồng.

Để bảo đảm quyền lợi của người được thi hành án, kể từ ngày hộ kinh doanh L1 L2 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bà ông Ng - bà C không trả đủ tiền thì ông Ng - bà C còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Hộ kinh doanh L1 L2 phải chịu án phí đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận, cụ thể $10.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 500.000 \text{ đồng}$ nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005637 ngày 06/11/2020 và biên lai số 0005541 ngày 15/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Hoàn trả lại cho Hộ kinh doanh L1 L2 số tiền án phí là 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*).

Ông Ng và bà C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271, và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 117 và Điều 119 và Điều 430, khoản 1, 3 Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh cá thể L1 L2 đối với ông Trần Quốc Ng, bà Nguyễn Thị C.

Buộc ông Trần Quốc Ng, bà Nguyễn Thị C phải liên đới trả cho hộ kinh doanh L1 L2 số tiền gốc là 654.000 đồng và tiền lãi là 152.000 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi ông Ng và bà C phải trả cho hộ kinh doanh L1 L2 là 806.000 đồng (*Tám trăm lẻ sáu nghìn đồng*).

Kể từ ngày hộ kinh doanh L1 L2 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bà ông Ng - bà C không trả đủ tiền thì ông Ng - bà C còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Hộ kinh doanh L1 L2 phải chịu án phí đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận, cụ thể $10.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 500.000 \text{ đồng}$ nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005637 ngày 06/11/2020 và biên lai số 0005541 ngày 15/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Hoàn trả lại cho Hộ kinh doanh L1 L2 số tiền án phí là 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*).

Ông Ng và bà C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*)

Báo cho ông Ng - bà C biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 26/10/2021. Ông L1 và bà L2 được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Tr- ờng hợp bản án, quyết định đ- ọc thi hành theo quy định tại □iều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Thi hành án huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thúy An

+

Tiếp theo, Tôi tiến hành kiểm tra căn cước của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

+ Mời nguyên đơn đứng lên tại chỗ và trả lời: yêu cầu trình bày đầy đủ họ tên, năm sinh, địa chỉ cư trú hiện nay?

Ngoài tên gọi, còn tên gọi khác không?

Mờingồi xuống.

+ Mời bị đơn đứng lên, Yêu cầu chỉ trình bày đầy đủ họ tên, năm sinh, địa chỉ cư trú hiện nay?

Ngoài tên gọi, còn tên gọi khác không?

Mời ngồi xuống.

- Sau đây tôi giải thích quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Mời đứng lên.

Ngoài các quyền và nghĩa vụ các đương sự thực hiện trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự có quyền, nghĩa vụ ngang nhau khi tham gia tố tụng.

*** Về quyền: Các đương sự có các quyền như sau: (Điều 70 BLTTDS 2015)**

- Quyền tham gia phiên tòa.

- Quyền cung cấp tài liệu, chứng cứ; để chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- Quyền tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Quyền tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

- Quyền yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng khác nếu có đủ căn cứ cho rằng họ không vô tư, khách quan trong khi giải quyết vụ kiện.

- Quyền đưa ra câu hỏi với người khác về vấn đề liên quan đến vụ án hoặc đề xuất với Tòa án những vấn đề cần hỏi người khác.

- Quyền tranh luận tại phiên tòa, đưa ra lập luận về đánh giá chứng cứ và pháp luật áp dụng.

- Quyền được cấp trích lục bản án, bản án, quyết định của Tòa án.

- Quyền kháng cáo, khiếu nại bản án, quyết định của Tòa án.

Ngoài các quyền trên thì nguyên đơn – còn có thêm các quyền như sau: (Điều 71)

- Quyền **giữ nguyên, thay đổi** nội dung yêu cầu khởi kiện; **rút một phần** hoặc **toàn bộ** yêu cầu khởi kiện.

- Chấp nhận hoặc bác bỏ một phần hoặc toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Bị đơn còn có quyền (Điều 72)

- **Chấp nhận** hoặc **bác bỏ** một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về nghĩa vụ: Các đương sự có các nghĩa vụ như sau:

- Các đương sự có nghĩa vụ phải tôn trọng Tòa án, chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa như Thư ký đã phổ biến.

- Phải tuân theo sự điều khiển của Chủ tọa phiên tòa. *Chỉ những người được HĐXX đồng ý mới được hỏi, trả lời hoặc phát biểu.*

- Người có hành vi vi phạm nội quy phiên tòa thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử phạt hành chính, buộc rời khỏi phòng xử án hoặc bị xử lý hình sự theo quy định pháp luật.

- **Chấp hành nghiêm chỉnh bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu L1 pháp luật.**

Hiện nay theo quy định của Tòa án nhân dân tối cao, sau khi Bản án, Quyết định của Tòa án có hiệu L1 pháp luật sẽ được đăng công khai trên cổng thông tin điện tử của Tòa án.

..... có đồng ý công bố bản án trên cổng thông tin điện tử của Tòa án không?

Mời

Mời

.....*Chị trình bày rõ lý do màchị không đồng ý công khai bản án trên cổng thông tin điện tử của TANDTC?*

Sau đây tôi sẽ giải thích cho được biết: Theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết 03/2017/NQ-HĐTP ngày 16.3.2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Công văn số 144/TANCTC ngày 04/7/2017 thì khi thực hiện việc đăng bản án trên cổng thông tin điện tử thì các thông tin liên quan đến cá nhân sẽ được mã hóa và số hóa nên sẽ không ảnh hưởng đến bí mật đời tư của chị. đã nghe rõ chưa? Chị có ý kiến gì thêm không?

...

Tại phiên tòa hôm nay có yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình không?

Do không yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình.

Mời Luật sư đứng lên: Tại phiên tòa hôm nay ông bà là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, bị đơn. Về quyền và

nghĩa vụ của Luật sư được quy định tại Điều 76 BLTTDS. Luật sư có yêu cầu Hội đồng xét xử giải thích thêm vấn đề gì không?

Luật sưnghe rõ chưa?

.....nghe rõ chưa? có yêu cầu Hội đồng xét xử giải thích gì thêm không?

Mời?

Mời?

Để các đương sự thực hiện quyền yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, thay mặt HĐXX tôi giới thiệu thành phần những người tiến hành tố tụng tại phiên tòa hôm nay gồm có:

- Hội đồng xét xử có 3 người gồm: Tôi - Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa. Người ngồi bên tay phải tôi là; Người ngồi bên tay trái tôi là ông là Hội thẩm nhân dân, là thành viên HĐXX.

- Người ngồi bàn đọc lập bên phải của HĐXX là - Kiểm sát viên VKSND huyện

- Người ngồi bàn đọc lập phía trước HĐXX - là Thư ký phiên tòa - là Thư ký TAND

Thành phần những người tiến hành tố tụng mà tôi vừa giới thiệu xong, có yêu cầu thay đổi ai không?

Mời? ...

Mời? ...

Tại phiên tòa hôm nay, có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới không? Và có yêu cầu Tòa án triệu tập thêm ai tham gia phiên tòa không?

Mời anh?....

Mời?...

-Nguyên đơn-..... trình bày cho HĐXX biết tại phiên tòa hôm nay có thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện hay không?

-trình bày cho HĐXX cho biết ý kiến của có thay đổi gì không?

- Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn vụ án hay không?

Nếu nội dung các bên đương sự thỏa thuận được với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội thì Hội đồng xét xử ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Quyết định

này sẽ có hiệu L1 ngay sau khi được ban hành và các đương sự không được quyền kháng cáo, VKS không được quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Mời?....

Mời?..

Mời ngồi xuống.

..... có ý kiến gì đối với thủ tục bắt đầu phiên tòa hay không?

Mời.....? ...Mời?....

Luật sư có ý gì về phần thủ tục bắt đầu phiên tòa hay không?

- Các vị HTND có ai có ý kiến bổ sung về phần thủ tục bắt đầu phiên tòa không: Quay sang nhìn HTND.

- Vị đại diện VKS có ý gì về phần thủ tục không: Quay sang nhìn KSV.

- Nếu không ai có ý kiến gì về phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, tôi tuyên bố kết thúc phần thủ tục bắt đầu phiên tòa và chuyển sang phần **tranh tụng** tại phiên tòa.

II/ KẾT THÚC PHẦN BẮT ĐẦU PHIÊN TÒA CHUYỂN SANG PHẦN TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA;

Sau đây tôi phổ biến nội dung và phương thức tranh tụng tại phiên tòa: *Tranh tụng tại phiên tòa bao gồm việc trình bày chứng cứ, hỏi, đối đáp, trả lời và phát biểu quan điểm, lập luận về đánh giá chứng cứ, tình tiết của vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp và pháp luật áp dụng để giải quyết yêu cầu của đương sự trong vụ án; Việc tranh tụng tại phiên tòa được tiến hành theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa.*

- Đề nghị Luật sưtrình bày tóm tắt về yêu cầu và chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp? Mời Luật sư trình bày:

- Mời trình bày tóm tắt về yêu cầu khởi kiện và chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp?....

- Mời có nghe rõ lời trình bày của.....không? Mời trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện?

Anh chị có trình bày gì thêm không....

Nếu không ai trình bày ý kiến gì thêm. Sau đây là phần thủ tục hỏi

- Mời đứng lên, anh..... có đặt câu hỏi đối với bị đơn, không?

...

- H: Luật sư có đặt câu hỏi đối với đơn không?

- Mời đứng lên, có đặt câu hỏi đối với nguyên đơn không?

....

**Lưu ý các đương sự: Theo quy định tại khoản 2 Điều 249 của Bộ luật tố tụng dân sự thì: Việc đặt câu hỏi phải rõ ràng, nghiêm túc để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, không được lợi dụng việc hỏi và trả lời để xâm phạm danh dự và nhân phẩm của người khác.*

Nếu không ai có yêu cầu đặt hỏi gì với các đương sự khác, sau đây HĐXX tiến hành hỏi.

*** Chủ tọa hỏi: Mời anh đứng lên...**

*** Hội thẩm hỏi**

- Mời vị đại diện VKS tham gia phần hỏi:

.....

Các đương sự có ai yêu cầu HĐXX hỏi thêm vấn đề gì không?

Mời?....

Mời?...

Nếu không ai có yêu cầu hỏi thêm vấn đề gì. Tôi tuyên bố kết thúc việc hỏi, chuyển sang phần **tranh luận tại phiên tòa.**

- Mời phát biểu ý kiến tranh luận của mình

-Mời nghe rõ lời trình bày của không, mờiphát biểu ý kiến tranh luận của mình.

- Mời trình bày ý kiến đối đáp tranh luận với

- Các đương sự có tranh luận bổ sung về những vấn đề gì thêm không?

- Nếu không ai có tranh luận đối đáp gì thêm. Đề nghị KSV phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

III/ KẾT THÚC PHẦN TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA CHUYỂN SANG PHẦN NGHỊ ÁN;

- Các đương sự có ý kiến gì không....Nếu không ai có ý kiến gì thêm, tôi tuyên bố kết thúc phần tranh tụng tại phiên tòa chuyển sang phần nghị án.

HĐXX vào nghị án, các đương sự và những người tham gia phiên tòa tạm nghỉ tại chỗ chờ nghe tuyên án.

VI/ PHẦN TUYÊN ÁN:

Thay mặt, HĐXX TÔI TUYÊN ĐỌC BẢN ÁN

Lưu ý: Đọc hết phần họ tên, địa chỉ các đương sự thì đọc: Bản án còn dài, cho những người tham dự phiên tòa ngồi, riêng các đương sự đứng để nghe tuyên án.

Thay mặt, HĐXX tôi tuyên bố kết thúc phiên tòa.

Trường hợp KSV, các đương sự có yêu cầu được xem BBPT, Chủ tọa kiểm tra lại BBPT, cùng với TK ký vào BBPT.

Sau khi kết thúc phiên tòa, Chủ tọa phiên tòa phải kiểm tra biên bản và cùng với Thư ký phiên tòa ký biên bản đó.

